

Số: /HD-SNN

Lạng Sơn, ngày tháng 3 năm 2021

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 14/11/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Thực hiện Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Thực hiện Công văn số 1694/UBND-TNNC ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai các Nghị quyết kỳ họp thứ hai mươi HĐND tỉnh khóa XVI.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai thực hiện một số nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 14/11/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh như sau:

I. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

II. Nội dung chi và mức hỗ trợ

1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1.1. Nội dung chi

a) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật.

b) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác).

c) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng chuyên giao công nghệ và đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo điều 3 Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND.

d) Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước.

1.2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ cho các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

2. Thông tin tuyên truyền

2.1. Nội dung chi

a) Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông:

- Chi xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng.

- Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip,...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

c) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông.

d) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông.

2.2. Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ cho các hoạt động thông tin tuyên truyền được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

3.1. Nội dung chi:

a) Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu:

- Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

- Mô hình trình diễn ở các địa bàn còn lại được hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

- Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình.

b) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe.

- Chi hỗ trợ tiền ăn; chi giải khát giữa giờ.
- Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu).
- c) Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình.
- d) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn.

3.2. Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ cho các hoạt động xây dựng và nhân rộng mô hình được quy định chi tiết tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm (riêng dự án triển khai ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được chi 4%) để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Nội dung chi khác

Các khoản chi khác chưa quy định tại hướng dẫn này, thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

Trên đây là hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động Khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và ĐT;
- UBND các huyện, TP;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Thị Thu

PHỤ LỤC SỐ 01
NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SNN, ngày /3/2021
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
1	Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết)			
a	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương	Đồng/người/buổi	Không quá 2.000.000	
b	Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương; giáo sư; tiến sỹ khoa học; chuyên gia cao cấp	Đồng/người/buổi	Không quá 1.800.000	
c	Giảng viên, báo cáo viên là Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính	Đồng/người/buổi	Không quá 1.500.000	
d	Giảng viên, báo cáo viên là Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố)	Đồng/người/buổi	Không quá 1.200.000	
đ	Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài các đối tượng nêu trên)	Đồng/người/buổi	Không quá 1.000.000	
e	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị ở cấp huyện, cấp xã và các đối tượng khác	Đồng/người/buổi	Không quá 800.000	
2	Thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật	Đồng/người/buổi	Không quá 500.000	
3	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (tính theo mức chi phụ cấp lưu trú cho các đối tượng đi công tác từ cơ quan hoặc nơi thuê chỗ ở đến địa điểm tổ chức bồi dưỡng tập huấn và đào tạo trong tỉnh)			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
a	Đi công tác từ 10km đến dưới 30km	Đồng/ngày/người	90.000	
b	Đi công tác từ 30km đến dưới 50km	Đồng/ngày/người	120.000	
c	Đi công tác từ 50km trở lên	Đồng/ngày/người	150.000	
d	Đối với giảng viên, trợ giảng là cán bộ xã đi công tác từ 5 km đến dưới 10 km	Đồng/ngày/người	60.000	
4	Thuê chỗ ở cho giảng viên, trợ giảng:			
a	Tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; các huyện, thành phố thuộc tỉnh	Đồng/ngày /người	Không quá 350.000	
b	Tổ chức tại các vùng còn lại	Đồng/ngày /người	Không quá 300.000	
5	Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo)		Thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ	
6	Nước uống, giải khát giữa giờ	Đồng/buổi/người	20.000	
7	Tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế		Thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ	
8	Thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập		Thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
9	Vật tư thực hành lớp học; chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu có); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác):			
a	In chứng chỉ, chứng nhận	Đồng/cái	Theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ	
b	Văn phòng phẩm	Đồng/học viên/khóa học	Theo thực tế phát sinh	
c	Vật tư thực hành (<i>dụng cụ, mẫu vật,...</i>)		Theo thực tế phát sinh	
d	Thuê điểm tham quan và thực tập		Theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ	
đ	Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (<i>nếu có</i>); khai giảng, bế giảng, các khoản chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (<i>điện, nước, thông tin liên lạc, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác</i>)	Đồng/lớp học	Theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ	
10	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:			
10.1	Đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định 83/2018/NĐ-CP, gồm:			
a	Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước:			
-	Chi phí tài liệu (<i>không bao gồm tài liệu tham khảo</i>)		Hỗ trợ 100%	
-	Tiền thuê chỗ ở cho học viên	Đồng/người/này	Tối đa 350.000	
b	Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:			
-	Chi phí tài liệu (<i>không bao gồm tài liệu tham khảo</i>)		Hỗ trợ 100%	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
-	Hỗ trợ chi phí tiền ăn	Đồng/người/n ngày	Hỗ trợ 100%	
+	<i>Tổ chức tại địa điểm nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương</i>		180.000	
+	<i>Tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; các huyện, thành phố thuộc tỉnh</i>		130.000	
+	<i>Do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức)</i>		60.000	
-	Hỗ trợ tiền đi lại:			
+	<i>Địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên</i>	<i>Đồng/người/k hóa học</i>	150.000	
+	<i>Địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên (Đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ)</i>	<i>Đồng/người/k hóa học</i>	200.000	
-	Tiền thuê chỗ ở cho học viên	Đồng/người/n ngày	Tối đa 350.000	
10.2	<i>Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, gồm:</i>			
a	Đối tượng là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo:			
-	Chi phí tài liệu (<i>không bao gồm tài liệu tham khảo</i>)		Hỗ trợ 100%	
-	Hỗ trợ chi phí tiền ăn, hỗ trợ tiền đi lại, tiền thuê chỗ ở cho học viên		Hỗ trợ 100%	<i>Tính theo mức hỗ trợ đối với đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại điểm b mục 10.1 Phụ lục</i>

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
				này
b	Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp:			
-	Chi phí tài liệu học (<i>Không bao gồm tài liệu tham khảo</i>)		Hỗ trợ 100%	
-	Hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, tiền thuê chỗ ở:		Hỗ trợ 50%	<i>Tính theo mức hỗ trợ đối với đối tượng chuyên giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm b mục 10.1 Phụ lục này</i>
c	Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông			
-	Chi phí tài liệu học (<i>Không bao gồm tài liệu tham khảo</i>)		Hỗ trợ 50%	
11	Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước			
a	Đối với khảo sát, học tập trong nước		Thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.	
b	Đối với khảo sát, học tập ngoài nước		Thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.	

PHỤ LỤC SỐ 02
NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ CHO HOẠT ĐỘNG
THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SNN, ngày /3/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
I	Tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử			
1	Chi xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông		Thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng	
2	Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip,...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng			Nhuận bút = Mức hệ số nhuận bút x Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút. Giá trị một đơn vị hệ nhuận bút được quy định bằng 10% mức tiền lương cơ sở hiện hành
a	Tin, tranh, ảnh, trả lời bạn đọc	Hệ số nhuận bút	3,0	
b	Phóng sự, ghi nhanh, phỏng vấn, nghiên cứu, sáng tác văn học	Hệ số nhuận bút	10,0	
II	Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập			
1	Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập		Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	
2	Chi bồi dưỡng:			
-	Chủ tọa và ban cố vấn	Đồng/người/buổi	600.000	
-	Báo cáo viên trình bày tại diễn đàn, tọa đàm, hội thảo	Đồng/báo cáo	800.000	
-	Bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo	Đồng/báo cáo	400.000	

PHỤ LỤC SỐ 03
NỘI DUNG CHI, MỨC CHI XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: /HD-SNN, ngày /3/2021
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
1	Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu:			
a	Mô hình trình diễn ở địa bàn vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền		Hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình	
b	Mô hình trình diễn ở các địa bàn còn lại		Hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;	
c	Nhân rộng mô hình		Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập	
2	Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:			
a	Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe		Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.	
b	Hỗ trợ chi phí tiền ăn, chi giải khát giữa giờ			
-	<i>Tổ chức tại địa điểm nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương</i>	Đồng/ngày/ người	180.000	
-	<i>Tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; các huyện, thành phố thuộc tỉnh</i>	Đồng/ngày/ người	130.000	
-	<i>Do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức)</i>	Đồng/ngày/ người	80.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ	Ghi chú
-	Nước uống, giải khát giữa giờ	Đồng/ buổi/người	20.000	
c	Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu)		Áp dụng theo mức chi thù lao cho giảng viên tại mục 1 Phụ lục số 01	
3	Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình			
a	Chi thông tin tuyên truyền		Thực hiện theo Phụ lục 01, 02 Hướng dẫn này	
b	Hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình		Thực hiện theo Phụ lục 01, 02 Hướng dẫn này	
4	Chi thuê cán bộ chỉ đạo mô hình trình diễn			
	Thuê cán bộ chỉ đạo		Bảng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế chỉ đạo	